

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi,
chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 171/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa TTHC lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa TTHC lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc, bản đồ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Chi tiết có Phụ lục I đính kèm.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương niêm yết công khai, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành

chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật nội dung thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Thời gian hoàn thành ngay sau khi nhận được Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT và Hội nghị;
- Lưu: VT, TTPVHCC (01b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC <i>(Được công bố tại Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</i>				
1.	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
2.	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	thành phố Hải Dương.		nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
3.	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Trong thời hạn 14 ngày kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
4.	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
5.	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
6.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
7.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	- Mức phí 1: 150.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200 m ³ /ngày đêm);	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		42 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	thành phố Hải Dương.	- Mức phí 2: 500.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ /ngày đêm); - Mức phí 3: 1.000.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm); - Mức phí 4: 1.800.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm).	định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh
8.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	- Mức 1: 75.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200m ³ /ngày đêm); - Mức 2: 250.000đ (Hồ sơ có lưu lượng	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	thành phố Hải Dương.	thăm dò từ 200m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ /ngày đêm); - Mức 3: 500.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 500m ³ /ngày đêm đến 1.000m ³ /ngày đêm; - Mức 4: 900.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 1.000m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm).	nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh
9.	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức phí 1: 150.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng khai thác dưới 200m ³ /ngày đêm); - Mức phí 2: 500.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng khai thác từ	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		- Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.		200m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ngày đêm); - Mức phí 3: 1.000.000đ (Hồ sơ có lưu lượng khai thác từ 500m³/ngày đêm đến dưới 1.000m³/ngày đêm); - Mức phí 4: 1.800.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng khai thác từ 1.000m³/ngày đêm đến dưới 3.000m³/ngày đêm).	ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
10.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ- Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức 1: 75.000đ (Hồ sơ có lưu lượng dưới 200m³/ngày đêm); - Mức 2: 250.000đ (Hồ sơ có lưu lượng từ 200m³/ngày đêm đến 500m³/ngày đêm); - Mức 3: 500.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng từ 500m³/ngày đêm đến 1.000m³/ngày đêm); - Mức 4: 900.000 đ (Hồ sơ có lưu lượng từ 1.000m³/ngày đêm đến 3.000m³/ngày đêm).	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh
11.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	Phí thẩm định hồ sơ: 500.000 đ.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ,	thành phố Hải Dương.		định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh
12.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Phí thẩm định hồ sơ: 250.000 đ.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh
13.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
14.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 21	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	thành phố Hải Dương.		định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
15.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	- 45 ngày (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước) - 38 ngày (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
16.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	21 ngày kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
17.	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	14 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
18.	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức phí 1: 200.000đ (Hồ sơ có lưu lượng dưới 500m ³ /ngày đêm (ngoại trừ đề án cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng không vượt quá 0,1m ³ /giờ; cho phát điện với công suất không vượt quá 50kw); - Mức phí 2: 600.000đ (Hồ sơ cho sản xuất	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				nông nghiệp có lưu lượng từ 0,1m³/giờ đến dưới 0,5m³/giờ); - Mức phí 3: 1.500.000đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m³/giờ đến dưới 1,0m³/giờ; cho phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 2.000kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m³/ngày đêm đến dưới 20.000m³/ngày đêm); - Mức phí 4: 2.500.000đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m³/giờ đến dưới 1,0m³/giờ; cho phát điện với công suất từ 200kw đến dưới	- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				1.000kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm).	
19.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức phí 1: 100.000đ (Hồ sơ có lưu lượng dưới 500m³/ngày đêm (ngoại trừ đề án cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng không vượt quá 0,1m³/giờ; cho phát điện với công suất không vượt quá 50kw); - Mức phí 2: 300.000đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,1m³/giờ đến dưới 0,5m³/giờ); - Mức phí 3: 750.000đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m³/giờ	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				đến dưới 1,0m³/giây; cho phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 2.000kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m³/ngày đêm đến dưới 20.000m³/ngày đêm); - Mức phí 4: 1.250.000đ (Hồ sơ cho sản xuất nông nghiệp có lưu lượng từ 0,5m³/giây đến dưới 1,0m³/giây; cho phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 2.000kw; cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m³/ngày đêm đến dưới 50.000m³/ngày đêm).	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
20.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
21.	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Mức phí 1: 50.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò dưới 200m³/ngày đêm); - Mức phí 2: 150.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 200m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ngày đêm); - Mức phí 3: 300.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 500m³/ngày đêm đến	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức thu, chế độ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
				dưới 1.000m ³ /ngày đêm); - Mức phí 4: 540.000đ (Hồ sơ có lưu lượng thăm dò từ 1.000m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm).	thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
22.	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 07 ngày làm việc; - Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước
23.	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	56 ngày kể từ nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (Được công bố tại Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)				
1.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi; (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).			12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024.
2.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi; - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	cur ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).			- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
3.	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi; - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất;	thành phố Hải Dương.	- Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Thời gian trích đo địa chính thửa đất).			
4.	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi; - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).			12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
5.	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi; - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01;	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)			quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
6.	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi; - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		(Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)		+ Trường hợp đăng ký biến động mà cấp mới GCN: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.3, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí cấp GCN QSDĐ chi tiết tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01 + Trường hợp xác nhận thay đổi vào GCN QSDĐ: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.5, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
7.	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	vực không phải là các xã miền núi; - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực	viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)			
8.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01. + Trường hợp đăng ký biến động mà cấp mới GCN: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.3, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01 + Trường hợp xác nhận thay đổi vào GCN QSDĐ:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)		- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.5, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
9.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi; - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01. + Trường hợp đăng ký biến động mà cấp mới GCN: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.3, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). * Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày.		+ Trường hợp xác nhận thay đổi vào GCN QSDĐ: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.5, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024
10.	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, UBND cấp tỉnh giao cơ quan có chức năng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh phải có văn bản thẩm định trình UBND cấp tỉnh - Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định do cơ quan có chức năng quản lý đất đai trình, UBND cấp tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển	thành phố Hải Dương.		Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án gửi tổ chức kinh tế có văn bản đề nghị - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày.			
11.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	- Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu: Không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		lần đầu là 03 ngày làm việc). - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi			- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng).			
12.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu: Không quá 20 ngày làm việc. - Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu: Không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là 03 ngày làm việc).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		- Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian			12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
13.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	- Không quá 20 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương: Đối với tổ chức trong nước, tổ	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.2, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên	chức kinh tế, Chủ tịch UBND cấp xã được giao quản lý đất Bộ phận một cửa cấp xã: Đối với cộng đồng dân cư		doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phương tiện thông tin đại chúng).			
14.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	- Đối với thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không 10 ngày làm việc. - Đối với thủ tục cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: Không quá 05 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên	Việt Nam định cư ở nước ngoài		06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
15.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	- Không quá 10 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia	chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
16.	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	- Không quá 03 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,			- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
17.	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	- Trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không quá 05 ngày làm việc; - Trường hợp thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề không quá 07 ngày làm việc; - Trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên không quá 10 ngày làm việc;	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		- Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám	huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
18.	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	- Đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận 10 ngày làm việc; - Đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.6, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 2.3, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		với nội dung đã đăng ký 07 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi	kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
19.	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất,	- Không quá 08 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức	hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên	thành phố Hải Dương.	- Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phương tiện thông tin đại chúng).			
20.	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài	- Đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	hàng nước ngoài: Không quá 08 ngày làm việc; - Đối với trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: Không quá 15 ngày làm việc; - Đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên	Việt Nam định cư ở nước ngoài		06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
21.	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất, không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với			- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
22.	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	- Không quá 05 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng).			Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
23.	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	- Thực hiện trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể giải quyết việc xóa	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nợ trong ngày làm việc tiếp theo; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố		27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
24.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước	- Phí thẩm định: chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian	ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
25.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Không quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			các huyện, thị xã, thành phố		chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
26.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	- Đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được cấp Giấy chứng nhận 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi	thành phố Hải Dương. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố		31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
27.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm	- Không có quy định đối với trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng,	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 1, 2, 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	- Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử	thành phố Hải Dương. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố		27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
28.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền	- Đối với trường hợp thay đổi kích thước các cạnh, diện tích, số hiệu	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ	- Phí thẩm định định: Chi tiết tại Tiết 3.1, 3.2, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sở hữu tài sản gắn liền với đất	của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi: Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các trường hợp còn lại quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024: Không quá 05 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ	chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà			12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
29.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	- Không quá 15 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian này không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá	+ Đối với trường hợp Tách thửa không chuyển quyền, hợp thửa đất: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1. + Đối với trường hợp: Tách thửa để chuyển quyền. - Phí: không quy định. - Lệ phí: không quy định.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).	nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
30.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ	- Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài,	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.1, 3.2, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản	cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
31.	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian thực hiện không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 1, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
32.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với	ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
33.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	- Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc; - Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: + Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản	Trung tâm Phục vụ HCC: Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài; cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc). + Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biến động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với từng trường hợp đăng ký biến động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và	Nam định cư ở nước ngoài Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Hệ thống thông tin đất đai. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
34.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	- Không quá 10 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ HCC: Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền	nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.		- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
35.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương.	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
36.	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	- Thời hạn tiếp nhận, xử lý và thông báo: Trong ngày làm việc, trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương: Đối với tổ chức, cá nhân	- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chi tiết tại Mục III, phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		liệu đất đai biết trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. - Thời hạn trả kết quả: a) Đối với thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì cung cấp ngay trong ngày làm việc. Trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp vào ngày làm việc tiếp theo; b) Đối với thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai phải thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi thông báo về việc gia	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố: Đối với cá nhân - Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã: Đối với cá nhân trong trường hợp thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai		chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hạn thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai. Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc;			
37.	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước	- Không quá 20 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí cấp GCN QSDĐ chi tiết tại Tiết	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		(Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).		1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01; + Trường hợp đăng ký biến động: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
38.	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất,	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí cấp GCN QSDĐ chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01; + Trường hợp đăng ký biến động: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)			12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
39.	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	- Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Thời gian trên không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).			
40.	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	- Không quá 38 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Thời gian này không tính thời gian Công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ và gửi Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương		43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
41.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật. - Đối với các xã miền núi thì thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		thực hiện được tăng thêm 10 ngày			tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai
III LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (được công bố tại Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)					
1.	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	- Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định và trình, ban hành quyết định cấp phép: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương, Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường
2.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định và xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học cho tổ chức, cá nhân đề nghị. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương, Tầng 1 Thư viện tỉnh, số 1 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.
IV	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THĂM (được công bố tại Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 04/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)				
1.	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	- Đối với cấp mới + Trường hợp đã có kết quả sát hạch: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hạng II. + Trường hợp chưa có kết quả sát hạch: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 6 Điều 44 Nghị	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương, số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Chưa quy định	- Luật đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		định 27/2019/NĐ-CP, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ ký, cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ - Trường hợp gia hạn, cấp lại, cấp: Trong thời hạn 03 ngày làm việc			điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
2.	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương, số 01 Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương	Mức phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ tại Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo Phụ biểu 2 kèm theo	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ”.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (Được công bố tại Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)				
1.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
2.	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố		
II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (được công bố tại Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)				
1.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)			Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
2.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)			13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
3.	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)			05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
4.	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)			06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
5.	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp đăng ký biến động mà cấp mới GCN: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.3, Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 2.1, Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)			HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
6.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)			quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
7.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
8.	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: - Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Tiết 1.1, Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; - Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; - Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; - Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; - Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
9.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại	Không quá 85 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ cụ thể như sau: + Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp đơn xin giao đất; + Thời hạn Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ theo quy định của UBND cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất là 10 ngày kể từ ngày xác định được cá nhân đủ điều kiện giao đất;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở	+ Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ giao đất đối với từng cá nhân là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện là 15 ngày kể từ ngày có báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện. - Đối với các xã miền núi, thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		(Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian người sử dụng đất thỏa thuận để thực hiện tích tụ đất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai; thời gian trích đo địa chính thửa đất; thời hạn Hội đồng xét			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		duyet cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)			
10.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	- Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu 20 ngày làm việc; - Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu: 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là 03 ngày làm việc) - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- Phí thẩm: Chi tiết tại Điểm 1.1, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 1, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với			12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
11.	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	- Không quá 20 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
12.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	- Không quá 10 ngày làm việc;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện,	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Tiết 3.1, 3.2, Điều 3,	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		- Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường	thị xã, thành phố	Điểm 4, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
13.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc).			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
14.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	- Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc. - Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận là không quá 03 ngày làm việc). (Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			
15.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư	- Không quá 10 ngày làm việc; - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 1. - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 1.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hoặc mở rộng đường giao thông	(Thời gian thực hiện không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận).			chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
16.	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	- Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		gian trích đo địa chính thửa đất)			
17.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	- Không quá 07 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).			
18.	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	- Phí thẩm định: Chi tiết tại Điểm 3, Mục I, Phụ biểu 01 - Lệ phí: Chi tiết tại Điểm 2, Mục II, Phụ biểu 01	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất)			quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024
19.	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	- Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. - Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Thời gian trên không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).			
20.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	Không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật. Đối với các xã miền núi thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (được công bố tại Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)				
1.	Hòa giải tranh chấp đất đai	30 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
II	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (được công bố tại Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)				
1.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Bộ phận một cửa UBND Xã	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và

					chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
--	--	--	--	--	---

Phụ biểu 1
MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

(Theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016; Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND 13/7/2023; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024; Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I.	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			
1	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp GCN quyền sử dụng đất lần đầu hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu gắn liền với đất lần đầu			
1.1	<i>Thuộc thẩm quyền cấp huyện</i>			
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	400.000	
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	300.000	
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 GCN thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định	1 hồ sơ		
1.2	<i>Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh</i>			
a	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện			
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	900.000	
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.500.000	
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.100.000	

b	Khu vực còn lại			
	+ Diện tích $\leq 0,5$ ha	1 Hồ sơ	800.000	
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.400.000	
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.000.000	
	Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy hoạch chi tiết xây dựng thì từ thửa thứ 2 tính bằng 60% thửa thứ 1	Hồ sơ/thửa đất		
2	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu			
2.1	<i>Thuộc thẩm quyền cấp huyện</i>			
	- Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	850.000	
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	700.000	
2.2	<i>Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh</i>			
a	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện			
	+ Diện tích $\leq 0,5$ ha	1 Hồ sơ	1.200.000	
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.800.000	
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.400.000	
b	Khu vực còn lại			
	+ Diện tích $\leq 0,5$ ha	1 Hồ sơ	1.100.000	
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.700.000	
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.300.000	

3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất			
3.1	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng)			
a	<i>Đất hộ gia đình, cá nhân</i>			
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	350.000	
	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	250.000	
b	<i>Đất tổ chức</i>			
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	800.000	
	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	700.000	
	<i>Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 GCN thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định</i>	<i>1 Hồ sơ</i>		
3.2	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất)			
a	<i>Đất hộ gia đình, cá nhân</i>			
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	450.000	

	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	350.000	
b	<i>Đất tổ chức</i>			
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	1.100.000	
	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.100.000	
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 GCN thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định			
3.3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất hoặc về tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận mới			
a	Đất hộ gia đình, cá nhân			
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	550.000	
	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	450.000	
b	Đất tổ chức			
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	1.600.000	
	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.500.000	
c	Đối với các danh mục thủ tục hành chính do bộ phận một cửa của UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và Chi nhánh VPĐK đất đai các huyện, thị xã, thành phố thực hiện trả kết quả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan thu Phí là UBND cấp huyện, trong đó 20% nộp NSNN cấp huyện và chuyển 80% để lại cho Văn phòng ĐKĐĐ			
3.4	<i>Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động đồng thời về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp Giấy chứng nhận mới</i>			
a	Đất hộ gia đình, cá nhân			

	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	900.000	
	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	800.000	
b	Đất tổ chức			
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	2.000.000	
	Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.900.000	
c	Đối với các danh mục thủ tục hành chính do bộ phận một cửa của UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và Chi nhánh VPĐK đất đai các huyện, thị xã, thành phố thực hiện trả kết quả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan thu Phí là UBND cấp huyện, trong đó 20% nộp NSNN cấp huyện và chuyển 80% để lại cho Văn phòng ĐKĐĐ			
3.5	<i>Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp</i>	<i>1 Hồ sơ</i>	<i>Bằng 80% mức thu quy định tại số thứ tự I.3.4 và I.3.5 nêu trên</i>	
	Đối với các danh mục thủ tục hành chính do bộ phận một cửa của UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và Chi nhánh VPĐK đất đai các huyện, thị xã, thành phố thực hiện trả kết quả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan thu Phí là UBND cấp huyện, trong đó 20% nộp NSNN cấp huyện và chuyển 80% để lại cho Văn phòng ĐKĐĐ			
3.6	Trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận thì mức thu bằng mức thu Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu			
II.	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất			
1	Cấp lần đầu			Mức thu lệ phí đối với việc giải quyết các
1.1	<i>Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất</i>	<i>đ/giấy</i>		
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực	-	25.000	

	thuộc tỉnh			dịch vụ công thông qua hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí đã quy định
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	13.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	-	60.000	
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	80.000	
	- Từ 1000m ² trở lên	-	100.000	
1.2	<i>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</i>			Mức thu lệ phí đối với việc giải quyết các dịch vụ công thông qua hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí đã quy định
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/giấy	80.000	
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	40.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	đ/giấy	250.000	
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	300.000	
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	400.000	
2	Đăng ký biến động			
2.1	<i>Đăng ký biến động chỉ về quyền sử dụng đất</i>			
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000	
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	đ/lần	10.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	20.000	

	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	20.000	
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	20.000	
2.2	<i>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</i>			
	- Hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh	đ/lần	20.000	
	- Hộ gia đình, cá nhân tại khu vực còn lại	-	10.000	
	- Tổ chức			
	+ Dưới 500m ²	đ/lần	30.000	
	+ Từ 500m ² đến dưới 1000m ²	-	40.000	
	+ Từ 1000m ² trở lên	-	50.000	
2.3	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (kể cả cấp lần đầu, đăng ký biến động) thì mức thu bằng mức thu khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất			
III.	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai			
1	Thông tin đất đai (không bao gồm chi phí in, sao chụp tài liệu)			
a	Hồ sơ giao đất/thu hồi đất/thuê đất/cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hồ sơ	150.000	
b	Hồ sơ về đất đai khác: Hồ sơ thanh tra đất đai hoặc khiếu nại đất đai/hồ sơ điều tra về giá đất/ hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng.	Hồ sơ	60.000	

c	Tài liệu quy hoạch	Điểm	70.000	
d	Biểu thống kê các loại đất	Tờ	30.000	
đ	Khai thác tài liệu Khổ A4	Tờ	2.000	
e	Khai thác tài liệu Khổ A3	Tờ	3.000	
2	Tra cứu thông tin (không bao gồm chi phí in, sao chụp tài liệu)			
a	Cá nhân	Hồ sơ	20.000	
b	Tổ chức	Hồ sơ	150.000	
3	Bản đồ quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất			
a	Bản đồ giấy in màu (đã bao gồm phí in, sao chụp tài liệu)			
	Bản đồ tỷ lệ 1/5.000; 1/10.000; 1/25.000	Mảnh	290.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/50.000; 1/100.000	Mảnh	320.000	
b	Bản đồ số dạng Vector			
	Bản đồ tỷ lệ 1/5000	Lớp/mảnh	145.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/10.000	Lớp/mảnh	160.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/25.000	Lớp/mảnh	180.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/50.000	Lớp/mảnh	197.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/100.000	Lớp/mảnh	220.000	
c	Bản đồ số dạng Raster			
	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ			
4	Bản đồ chuyên đề			

a	Bản đồ giấy in màu (đã bao gồm phí in, sao chụp tài liệu)			
	Bản đồ chuyên đề cấp tỉnh	Mảnh	250.000	
	Bản đồ chuyên đề cấp huyện	Mảnh	195.000	
	Bản đồ chuyên đề cấp xã	Mảnh	110.000	
b	Bản đồ số dạng Vector			
	Bản đồ tỷ lệ 1/5000	Lớp/ mảnh	145.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/10.000	Lớp/ mảnh	160.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/25.000	Lớp/ mảnh	180.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/50.000	Lớp/ mảnh	197.000	
	Bản đồ tỷ lệ 1/100.000	Lớp/ mảnh	220.000	
c	Bản đồ số dạng Raster			
	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ			
5	Bản đồ địa chính			
a	Bản đồ giấy in đen trắng (đã bao gồm phí in, sao chụp tài liệu)			
	Tỷ lệ 1/200; 1/500; 1/1000	Mảnh	35.000	
	Tỷ lệ 1/2000; 1/5000; 1/10000	Mảnh	40.000	
b	Bản đồ số dạng Vector			
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/200	Mảnh	250.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	Mảnh	300.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000	Mảnh	350.000	

	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000	Mảnh	390.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000	Mảnh	390.000	
	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	390.000	
c	Bản đồ số dạng Raster			
	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ			
d	Trích lục thửa đất			
	<i>- Đối với 1 thửa đất</i>			
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	Thửa	97.000	
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	Thửa	130.000	
	<i>- Đối với 1 khu đất dưới 5 thửa đất</i>			
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	Thửa	78.000	
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	Thửa	104.000	
	<i>- Đối với 1 khu đất trên 5 thửa đất</i>			
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng số	Thửa	63.000	
	+ Trích lục từ bản đồ địa chính dạng giấy	Thửa	85.000	

Phụ biểu 2
BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
(Theo Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	Số liệu của mạng lưới đo đạc quốc gia			
1	Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia			
1.1	Cấp 0	điểm	340.000	
1.2	Hạng I	điểm	250.000	
1.3	Hạng II	điểm	220.000	
1.4	Hạng III	điểm	200.000	Áp dụng cho cả các điểm địa chính cơ sở
2	Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia			
2.1	Hạng I	điểm	160.000	
2.2	Hạng II	điểm	150.000	
2.3	Hạng III	điểm	120.000	
3	Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia			

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
3.1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
3.2	Hạng I	điểm	160.000	
3.3	Hạng II	điểm	140.000	
4	Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trọng lực quốc gia	tờ	20.000	
II	Dữ liệu ảnh hàng không			
1	Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số	file	250.000	
2	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 16 µm	file	250.000	
3	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 20 µm	file	200.000	
4	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 22 µm	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:2.000; 1:5.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:10.000; 1:25.000; 1:50.000	mảnh	70.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
III	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia			
1.1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	1. Nếu chọn lọc nội dung theo dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau: a) Các nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu phí nhân với hệ số 1,2. b) Các nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; lớp phủ bề mặt: thu bằng 1/6 mức thu phí. 2. Nếu đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thì không thu phí sử dụng bản đồ địa hình quốc gia định dạng số cùng tỷ lệ (chỉ áp dụng trong trường hợp khai thác theo mảnh và đủ 07 nhóm lớp dữ liệu). 3. Trường hợp khai thác dữ liệu theo phạm vi địa lý thì thu bằng mức thu phí nhân với diện tích khu vực khai thác chia tổng diện tích các mảnh theo tỷ lệ tương ứng. (diện tích tối thiểu đề nghị khai thác bằng diện tích 01 mảnh bản
1.2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	500.000	
1.3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	850.000	
1.4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	mảnh	1.500.000	
1.5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
				đồ cùng tỷ lệ).
2	Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia			
2.1	Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy			
a	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn	mảnh	120.000	
b	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	130.000	
c	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	140.000	
d	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn	mảnh	170.000	
2.2	Bản đồ địa hình quốc gia định dạng dgn			
a	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	Nếu chọn lọc nội dung theo lớp dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau: 1. Nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu phí theo mảnh nhân với hệ số 1,2.
b	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	440.000	
c	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	670.000	
d	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	760.000	
đ	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	950.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
e	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000	mảnh	2.000.000	2. Nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật: thu bằng 1/6 mức thu phí theo mảnh.
g	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	mảnh	3.500.000	
h	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000	mảnh	5.000.000	
i	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
2.3	Bản đồ địa hình quốc gia định dạng số (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG)	mảnh	Mức thu phí bằng 50% bản đồ địa hình quốc gia định dạng dgn cùng tỷ lệ	
3	Mô hình số độ cao			
3.1	Mô hình số độ cao độ chính xác cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:2.000; 1:5.000: kích thước pixel: 1 x 1 m cho DEM có độ chính xác từ 0,1 đến 0,3 m.	mảnh	200.000	
3.2	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:2.000; 1:5.000: - Kích thước pixel: 2 x 2 m cho DEM có độ chính xác từ 0,4 đến 0,5 m	mảnh	80.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
	- Kích thước pixel: 4 x 4 m cho DEM có độ chính xác 1 m			
3.3	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:10.000: - Kích thước pixel: 2,5 x 2,5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,3 đến 0,5 m - Kích thước pixel: 5 x 5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,5 đến 1,7 m	mảnh	170.000	
3.4	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000: Kích thước pixel: 10 x 10 m cho DEM có độ chính xác từ 1,7 đến 3,3 m	mảnh	640.000	
3.5	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000: Kích thước pixel: 20 x 20 m cho DEM có độ chính xác từ 3,3 đến 6,7 m	mảnh	75.000	
3.6	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000: - Kích thước pixel: 5 x 5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,5 đến 1,0 m - Kích thước pixel: 10 x 10 m cho DEM có độ chính xác từ 1 đến 2 m	mảnh	2.550.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
3.7	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000: - Kích thước pixel: 25 x 25 m cho DEM có độ chính xác từ 2 đến 5 m - Kích thước pixel: 30 x 30 m cho DEM có độ chính xác từ 5 m trở lên	mảnh	300.000	
IV	Bản đồ hành chính định dạng số			
1	Bản đồ hành chính định dạng dgn, gdb			
1.1	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	4.000.000	
1.2	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	bộ	2.000.000	
1.3	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	1.000.000	
2	Bản đồ hành chính định dạng geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG Mức thu phí bằng 50% bản đồ hành chính định dạng dgn, gdb cùng tỷ lệ			
V	Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ trực tuyến qua môi trường mạng (định dạng WMS)			
1	Bản đồ hành chính Việt Nam	01 năm/ tài khoản	100.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
2	Bản đồ nền chiết xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	01 năm/ tài khoản	2.400.000	
3	Bản đồ nền chiết xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	01 năm/ tài khoản	6.600.000	Gồm các dữ liệu: biên giới, địa giới; dân cư; giao thông; thủy văn.
VI	Thông tin dữ liệu thu nhận từ mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia			
1	Dữ liệu đo động thời gian thực	01 tháng/ máy thu	750.000	Áp dụng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chêm dày trạm định vị vệ tinh quốc gia theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.
		06 tháng/ máy thu	4.280.000	
		12 tháng/ máy thu	6.750.000	
2	Dữ liệu GNSS tĩnh 24 giờ	trạm/ngày	220.000	Gồm: Giá trị tọa độ, độ cao của trạm.